TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HSST
Ngày 24 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành và bà Nguyễn Ngọc Oanh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/HSST ngày 28/5/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn N,** sinh ngày 30 tháng 6 năm 1979 tại tỉnh Y; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Công chức địa chính, xây dựng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh T và bà Đào Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H1 và 02 con; con lớn sinh năm 2004; con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không: Nhân thân: Nguyễn Văn N là Đảng viên, sinh hoạt tại chi bộ thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 09 ngày 14/6/2021 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Yên Bái; bị bắt tạm giam ngày 19 tháng 12 năm 2020; có mặt.

Bị hại:

- Anh Trần Duy L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Trấn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Người làm chứng: Anh Vũ Văn G, sinh năm 1986*;* địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N được tuyển dụng làm cán bộ công chức địa chính, xây dựng tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái được phân công nhiệm vụ: Tham mưu, giúp UBND cấp xã tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đô thị, giao thông và đảm bảo trật tự đô thị tại địa bàn, kiểm tra nắm tình hình các phương tiện thực hiện đào, đổ đất và vận chuyển đất trên địa bàn xã T, thành phố Y, tỉnh Y. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng việc đang là công chức địa chính, xây dựng N đã lạm dụng chức vụ quyền hạn của mình hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 11 năm 2020 anh Đỗ Mạnh H nhận được hai công trình đào đất, bạt mái taluy, hạ nền nhà của hộ gia đình ông Lê Đình N1, sinh năm 1971 và ông Trần Văn B, sinh năm 1990, cùng trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Y. Vì nghĩ rằng N có thẩm quyền cho phép đào đất, bạt mái taluy, hạ nền nhà tại địa bàn xã T, thành phố Y, tỉnh Y nên anh H đến UBND xã T, thành phố Y gặp N xin phép nhưng không gặp được nên đã liên lạc với N qua điện thoại trao đổi về việc anh H nhận thi công đào đất, bạt mái taluy nhà ông N1. N cho anh H biết ông N1 đã có đơn nhưng viết sơ sài, N hướng dẫn viết lại đơn, anh H nhờ N làm thủ tục tại xã giúp và mong N tạo điều kiện, N bảo anh H khi nào làm (tức là đào đất, bạt mái taly) phải báo cáo N. Sau khi ông N1 viết lại đơn, anh H cầm đơn xin đào đất, bạt mái taluy của ông N1 đến UBND xã T nộp cho N, N xác nhận vào đơn và trình ông Lê Minh H1 - Chủ tịch UBND xã T, ông H1 ký chuyển đơn của ông N1 lên UBND thành phố xem xét giải quyết. Sau đó, do có thông tin là có pH1 tiện đang đánh đất, bạt mái taluy tại nhà ông N1 nên ông Lê Minh H1 chỉ đạo N kiểm tra, N lấy điện thoại gọi điện cho anh H và nói: Tại sao chưa báo cáo gì đã đưa máy vào thi công, vừa mới làm đơn chưa có thông báo đồng ý của thành phố nên lãnh đạo yêu cầu xuống kiểm tra xử lý. Anh H trả lời: "Chủ nhà đã có đơn xin phép, có ít khối lượng anh tạo điều kiện cho thi công không mưa bão sạt lở xuống khu vực chăn nuôi của người ta, em vừa mang máy vào chưa kịp báo cáo anh, em sẽ lên gặp anh nhờ anh làm thủ tục với xã sau". Sau đó, N tắt máy báo cáo với ông Lê Minh H1 đang có máy xúc của anh Đỗ Mạnh H ở phường Đ vào thi công nhà ông Lê Đình N1; ông H1 chỉ đạo xuống kiểm tra và yêu cầu tạm dừng thi công đến khi Thành phố có văn bản đồng ý, N trực tiếp xuống điểm đào đất, bạt mái taluy nhà ông N1. Đến nơi chỉ có người điều khiển máy xúc, N hỏi thủ tục thì anh này gọi báo cho anh H. Sau đó, anh H liên lạc qua điện thoại cho N, N nói: Vừa mới gửi đơn, ai cho phép thi công mà thi công, tại sao đưa máy vào thi công mà không báo cáo gì, giờ lãnh đạo yêu cầu dừng cho đến khi Thành phố cho phép. Anh H lo sợ ảnh hưởng đến tiến độ thi công nên xin N tạo điều kiện cho thi công và nói với N ngoài việc thi công cho nhà ông N1, anh H còn nhận thi công cho nhà ông Trần Văn B, do anh H không có nhà nên hẹn sẽ gặp N nhờ N giải quyết. Sau đó N chỉ nói: Thôi cứ tạm dừng và ra về. Khoảng hai ngày sau anh H đến nhà riêng của N đưa cho N số tiền 3.000.000

đồng (Ba triệu đồng) để N làm thủ tục cho phép đào đất, bạt mái taluy, hạ nền nhà công trình nhà ông N1 và nhà ông B. Sau khi, nhận tiền của anh H, N không làm thủ tục xin cấp có thẩm quyền cho phép các gia đình ông N1, ông B được đào đất, bạt mái taluy, hạ nền nhà mà vẫn để cho anh H được tiếp tục thi công đào đất, bạt taluy cho đến khi xong hai công trình mà không bị N hay cơ quan chức năng nào xử lý.

Đến ngày 21/01/2020, sau khi nghe tin Nguyễn Văn N bị khởi tố, tạm giam, anh H đã trình báo Cơ quan điều tra về việc Nguyễn Văn N đã chiếm đoạt số tiền số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của anh H như đã nêu trên.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 19/12/2020 N nhận được điện thoại của người dân thông báo về việc có nhiều xe vận tải chuyển đất trên đường 7C, thuộc địa phận xã T, thành phố Y gây bụi bẩn, ô nhiễm môi trường. Sau khi biết được xe vận chuyển đất là của anh Trần Duy L, N đã sử dụng điện thoại của N gọi đến số điện thoại 0973 106 901 cho anh L, N đã yêu cầu anh L phải dừng xe, không được cho xe tải chở đất tiếp tục đi qua địa bàn xã T nếu không sẽ báo cơ quan chức năng xuống kiểm tra. Do anh L mới nhận vận chuyển đất lần đầu, nghĩ rằng N có thẩm quyền dừng xe, thành lập đoàn xuống kiểm tra giữ xe, như vậy xe không đảm bảo tiến độ thi công, ảnh hưởng đến công việc của mình nên xin N tạo điều kiện. Khi N hỏi anh L "Có mấy xe chạy, chạy trong bao lâu và yêu cầu anh L một là cho xe dừng, hoặc là chỉ cho xe chạy vào ngày nghỉ, mỗi ngày 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), làm được thì làm, không làm được thì dừng". Thấy N nói vậy, anh L bảo cao quá, xin giảm bớt thì N đồng ý giảm ngày đầu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) như vậy tổng hai ngày 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). N còn nói: Nếu xuống kiểm tra thực tế nhiều xe hơn sẽ khác và dặn anh L lần sau "làm" nghĩa là " dùng xe tải chở đất" thì phải chủ động báo cáo trước cho N.

Sau khi nghe N trao đổi qua điện thoại như vậy, vì lo sợ chậm tiến độ thi công nên anh L đã xin phép được gặp N và hẹn gặp tại quán cà phê "Quán đá" thuộc tổ 12, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y. N đồng ý, khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, N đi một mình đến quán cà phê "Quán đá" như đã hẹn. Tại đây, N đã cho anh L xem các văn bản chỉ đạo của UBND xã T và UBND thành phố Y về việc cấm đào đất, đổ đất trái phép để anh L thấy được việc đổ đất, đào đất trái phép đang được các cấp chỉ đạo kiểm tra, xử lý. Theo yêu cầu của N từ trước, anh L đã chuẩn bị số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kẹp vào trong một tờ giấy biên nhận phí bảo hiểm màu hồng ghi tên Trần Duy L và Vũ Thị H1 (vợ anh L) rồi đặt trên bàn uống nước trước mặt N. Nói chuyện trao đổi một lúc thì N đứng dậy và cầm toàn bộ số tiền kẹp trong từ biên nhận màu hồng để trên mặt bàn cất vào túi quần bên trái phía trước chiếc quần mà N đang mặc thì bị tổ công tác Công an thành phố Y phát hiện, kiểm tra và bắt quả tang, tạm giữ trên người Nguyễn Văn N:

Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cùng một giấy "Biên nhận phí bảo hiểm" màu hồng có ghi tên Trần Duy L và Vũ Thị H1 tại túi quần bên trái phía trước Nguyễn Văn N đang mặc; 01 ví da màu nâu thu giữ trong túi quần phía sau bên phải Nguyễn Văn N đang mặc cùng với các giấy tờ, tài sản trong ví gồm có: Số tiền 23.590.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe

mô tô, xe máy; 01 thẻ đảng viên, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Văn N, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Duyên, 01 nhẫn kim loại màu vàng, ở trên thân nhẫn có ghi "1979" và mặt nhẫn có gắn một viên đá màu đỏ tạm giữ tại ngón tay đeo nhẫn trên bàn tay trái của N; 01 chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại nhãn hiệu "EDIFICE" đã cũ N đeo ở cổ tay trái, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, vỏ máy màu đen, đã qua sử dụng, được lắp sim số thuê bao: 0399 000 079 và 0914 532 854. Tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 21B1 – 23 847, cùng toàn bộ đồ vật, tài liệu có trong cốp xe.

Tạm giữ của Trần Duy L: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu ghi xám có lắp sim thuê bao 0878 329 699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, có lắp sim số thuê bao 0973 106 901 hai máy đều đã cũ, đã qua sử dụng.

Tiến hành khán xét khẩn cấp nơi làm việc của Nguyễn Văn N tại UBND xã T, thành phố Y tạm giữ nhiều giấy tờ, tài liệu.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS-TP ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội " Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản " theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Y giữ nguyên quyết định truy tố và đề N Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản"

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 (ba) năm đến 04 (B) năm tù về tội " Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm công việc là công chức địa chính, xây dựng trong thời hạn 02 năm đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đánh giá. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn N là công chức địa chính xây dựng thuộc UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Y được phân công nhiệm vụ: Tham mưu, giúp UBND cấp xã tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đô thị, giao thông và đảm bảo trật tự đô thị tại địa bàn, kiểm tra nắm tình hình các pH1 tiện thực hiện đào, đổ đất và vận chuyển đất trên địa bàn xã. Nguyễn Văn N không có thẩm quyền dừng, cấm xe ô tô lưu thông, vận chuyển đất đi qua địa bàn xã; không có thẩm quyền cho phép các cá nhân, hộ gia đình được đào đất, bạt mái taluy, hạ nền nhà, nhưng N đã lạm dụng chức vụ quyền hạn của mình thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của anh Đỗ Mạnh H tại gia đình của N thuộc thôn Trấn Thanh, xã T, thành phố Y và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của anh Trần Duy L vào ngày 19/12/2020 tại quán cà phê "Quán Đá" thuộc tổ 12, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tổng số tiền N chiếm đoạt của anh H và anh L là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng). Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm cho cơ quan, tổ chức bị mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chính quyền, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong nhân dân.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn N là đảng viên, có trình độ, nhận thức, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường khoản tiền chiếm đoạt của anh H, bị cáo có nhiều

giấy khen trong công tác, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huy cH1 kháng chiến hạng nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn N là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên áp dụng cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự, xét thấy cần cấm bị cáo đảm nhiệm công việc công chức địa chính, xây dựng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù và không phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Duy L đề N được trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà N đã chiếm đoạt là phù hợp quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Mạnh H đã nhận đủ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, vỏ máy 854 là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" của Nguyễn Văn N nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 05 vỏ phong bì, 01 tH bìa các tông là vật chứng liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. màu đen máy cũ đã qua sử dụng, được lắp sim số thuê bao: 0399 000 079 và 0914 532

Đối với số tiền 23.590.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) và 01 xe mô tô BKS: 21B1 – 23 847 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Thanh H1 không liên quan đến hành vi phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" của Nguyễn Văn N nên cần trả lại chị Nguyễn Thị Thanh H1 (vợ bị cáo N).

Đối với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thu giữ tại túi quần bên trái phía trước Nguyễn Văn N đang mặc và 01 tờ giấy màu hồng có ghi chữ "biên nhận phí bảo hiểm"; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu ghi xám có lắp sim thuê bao 0878 329 699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, có lắp sim số thuê bao 0973 106 90 hai máy đều đã cũ, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Trần Duy L nên trả lại cho anh L.

Đối với: 01 nhẫn kim loại màu vàng, ở trên thân nhẫn có ghi "1979" và mặt nhẫn có gắn một viên đá màu đỏ; 01 chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại nhãn hiệu

"EDIFICE" đã cũ; 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ tiết kiệm; 01 thẻ Visa ngân hàng, 01 thẻ công chức địa chính, 01 bằng tú tài, 01 bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, 01 bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, 01 chứng chỉ tin học, 01 bằng tốt nghiệp đại học đều mang tên Nguyễn Văn N; 02 USB vỏ nhựa cũ là tài sản có nguồn gốc hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N, không phải là vật chứng trong vụ án. Ngày 21/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã tiến hành trao trả cho vợ của Nguyễn Văn N là chị Nguyễn Thị Thanh H1 là phù hợp.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Duyên không lên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái trả lại cho chị Ngô Thị Duyên là phù hợp.

Đối với 36 giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được tạm giữ trong cốp xe mô tô khi bắt quả tang N vào ngày 19/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái đã trả cho Chi nhánh Văn phòng đất đai thành phố Y là phù hợp.

Đối với các đồ vật tài liệu tạm giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Văn N tại UBND xã T, thành phố Y không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N. Ngày 05/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 30/CQĐT – CSKT trả lại toàn bộ tài liệu, đồ vật này cho UBND xã T và UBND xã Văn Phú, thành phố Y để quản lý nên HĐXX không xem xét.

[10] Đối với ông Lê Minh H1, quá trình điều tra xác định ông H1 không biết việc N chiếm đoạt số tài sản (tiền) của anh Nguyễn Duy L và anh Đỗ Mạnh H và không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý trong vụ án.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 - Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản ".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 19 tháng 12 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm công việc là công chức địa chính, xây dựng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, vỏ máy màu đen máy cũ đã qua sử dụng, được lắp sim số thuê bao: 0399 000 079 và 0914 532 854 .

Tịch thu tiêu hủy: 05 vỏ phong bì, 01 tH bìa các tông.

Trả lại chị Nguyễn Thị Thanh H1: Số tiền 23.590.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS: 21B1 – 238.47.

Trả lại anh Trần Duy L: Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); 01 tờ giấy màu hồng có ghi chữ "biên nhận phí bảo hiểm"; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu ghi xám có lắp sim thuê bao 0878 329 699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, có lắp sim số thuê bao 0973 106 901 hai máy đều đã cũ, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2021 giữa Chi cục thi hành án thành phố Y và Công an thành phố Y).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trần Duy L, Đỗ Mạnh H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh H1 được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái.
- Chi cục THADS TP Yên Bái.
- Trại giam; Công an TP Yên Bái;
- BP Hồ sơ NV- CATPYB;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ ;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến